

I. THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP GIẤY TP. HỒ CHÍ MINH

Công nghiệp giấy Việt Nam ra đời vào đầu thế kỷ này, trong thời gian đầu các nhà máy giấy có tính chất thủ công, vào những năm trước 1945 cả nước có khoảng 7 nhà máy sản xuất giấy, sản lượng trung bình mỗi năm khoảng 1000 tấn/năm.

Cho đến những năm 1950 -1960, công nghiệp giấy mới bắt đầu đi vào phát triển, trang bị những máy móc thiết bị sản xuất giấy công nghiệp, công suất các nhà máy được nâng lên ở mức trung bình 20.000 tấn/năm. Từ năm 1960 -1975 xuất hiện hàng loạt

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP GIẤY KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thạc sĩ PHẠM VĂN NAM

đó thành phố mới chỉ sản xuất được gần 29.000 tấn giấy và bột giấy.

Trên địa bàn TP HCM có 10 xí nghiệp quốc doanh và 50 xí nghiệp ngoài quốc doanh, với tổng công suất 37.300 tấn/năm (4).

Bảng 1 : Sản lượng giấy TP. Hồ Chí Minh năm 1995

Số xí nghiệp		Sản lượng 1995 (tấn)		Số lao động (người)		Giá trị tổng sản lượng (tỉ đồng)	
		Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)	Giá trị	Tỉ trọng (%)
10 xí nghiệp quốc doanh	Giấy	18.180	67,9	2.764	76,9	91,4	74,4
	Bột giấy	12.600					
50 đơn vị ngoài quốc doanh	Giấy	8.585	32,1	829	23,1	31,3	25,6
	Bột giấy	350					
Tổng cộng	Giấy	26.765	100	3.593	100	122,4	100
	Bột giấy	1.950					

các nhà máy giấy với qui mô nhỏ ở miền Nam và miền Bắc. Trong thời gian này sản phẩm giấy được sản xuất cũng đa dạng bao gồm các loại giấy báo, giấy viết, giấy carton Sản lượng đạt khoảng 40.000 tấn/năm.

Sau năm 1975 công nghiệp giấy thực sự được đầu tư phát triển với những nhà máy mới có công suất trung bình. Vào năm 1983 nhà máy giấy Bãi Bằng với công suất 55.000 tấn/năm được xây dựng, nâng tổng công suất lên 90.000 tấn/năm.

Hiện nay ngành giấy cả nước có 95 xí nghiệp sản xuất giấy và bột giấy lớn nhỏ với tổng công suất thiết kế là 255.000 tấn/năm (1), có thể nói phần lớn những nhà máy giấy có công suất lớn và công nghệ hiện đại đều thuộc quyền quản lý của Trung ương. Các xí nghiệp giấy do các địa phương quản lý phần lớn là những nhà máy có qui mô nhỏ, sản lượng dưới 10.000 tấn / năm với công nghệ lạc hậu, sản xuất nửa thủ công.

Theo số liệu thống kê, năm 1995 TP HCM đạt mức GDP tính theo đầu người khoảng 900 USD, gấp hơn 3 lần mức trung bình của cả nước (2), tương tự như mức trung bình của Indonesia vào năm 1994. Với mức GDP như vậy thì tiêu thụ giấy tính theo đầu người của khu vực này sẽ khoảng 10 - 12 Kg/người/năm (3). Với dân số gần 5 triệu người thì tổng nhu cầu của thành phố phải là 60.000 tấn/năm, ngoài ra còn phải tính đến lượng giấy phục vụ cho các đơn vị kinh tế trung ương đóng trên địa bàn thành phố nên nhu cầu giấy còn cao hơn, lên khoảng 120.000 tấn/năm. Trong khi

Mười đơn vị thuộc quốc doanh chiếm 67,92% sản lượng và 74,46% doanh số trong toàn ngành giấy Thành Phố. Hơn 50 đơn vị thuộc kinh tế tư nhân có qui mô nhỏ, thiết bị cũ lạc hậu, chất lượng sản phẩm thấp, sản xuất bấp bênh. Khó khăn trong tồn tại và phát triển. Công nghiệp giấy Thành phố chiếm tỷ trọng trên 30% của công nghiệp giấy Trung ương, thiết bị nhà xưởng đã lạc hậu hơn thiết bị của công nghiệp Trung ương 15-20 năm.

Sản phẩm sản xuất trong năm 1995 của công nghiệp giấy TP.HCM là 26.765 tấn. Trong đó; gần 10.000 tấn là carton với giá trị rất thấp; trên 10.000 tấn giấy để làm vàng mã, giá trị cũng rất thấp. Điều đó cho thấy cơ cấu sản phẩm của công nghiệp giấy TP HCM không hợp lý, sản phẩm có giá trị thấp chiếm tới 74% trong tổng giá trị sản lượng làm cho hiệu quả chung kém đi.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG NGHIỆP GIẤY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

• Trình độ công nghệ ở đơn vị khá nhất tại TP.HCM vào khoảng 1965 của các nước vùng Đông Nam Á. Các cơ sở nhỏ - trình độ công nghệ ở vào khoảng năm 1930 -1935 của các nước lân cận.

• Trên địa bàn thành phố có số lượng đông đảo các đơn vị sản xuất giấy và carton, trong đó 10 xí nghiệp quốc doanh chiếm 67% tổng sản lượng và 50 cơ sở còn lại chiếm 23% tổng sản lượng. Số lao động trong ngành giấy khoảng 3.600 người, trong đó 75% lao động thuộc các đơn vị quốc doanh.

• Kết cấu sản phẩm của ngành giấy thành phố Hồ Chí Minh không hợp lý vì 74% sản phẩm được sản xuất là loại sản phẩm có giá trị thấp, trong khi các sản phẩm có giá trị cao và có nhu cầu lớn như giấy mỏng, giấy viết,

giấy Duplex ... thì có tỉ trọng quá nhỏ trong khi các đơn vị của thành phố hoàn toàn có thể sản xuất được những loại đó.

III. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH GIẤY TP. HỒ CHÍ MINH

• Tận dụng lợi thế và khả năng của các đơn vị cùng nhu cầu thị trường, tăng cường sản xuất các sản phẩm có giá trị cao và hạn chế các mặt hàng có giá trị thấp.

• Đáp ứng một phần nhu cầu của thành phố trong phạm vi khả năng vốn do thành phố tự lo, phân công lại sản xuất.

• Tập trung sản xuất những loại giấy mỏng và giấy cao cấp vì loại này không cần nhiều bột giấy, sản xuất ít gây ô nhiễm, giá trị cao và có nhu cầu lớn, phù hợp với lợi thế của thành phố nhất là về đòi hỏi kỹ thuật và đô thị hoá sau năm 2000.

• Giảm dần việc sản xuất các loại giấy có giá trị thấp mà lại gây ô nhiễm như giấy vàng mã, carton ... chỉ duy trì ở mức hợp lý.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ trình bày những nét lớn về thực trạng và xu thế phát triển của ngành giấy khu vực TP HCM, nếu có dịp chúng tôi sẽ trình bày những mục tiêu và các biện pháp chiến lược để phát triển công nghiệp giấy TP HCM đến năm 2010 ■

CHÚ THÍCH

(1) (4) Báo cáo tổng kết của Hiệp hội giấy Việt Nam, 1995.

(2) Báo cáo tổng kết của HĐND Thành phố HCM, 1995

(3) Dự báo của Tổng công ty giấy VN cho TP.HCM.